

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bá

2. Ông Lê Văn Quới

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 “có mặt”

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1976 “vắng mặt”

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã P, huyện N, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị Lê Thị T kết hôn ngày 12/4/1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P nhưng trong sổ bộ lưu không còn và anh cũng không còn giữ giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian chung sống khoảng 18 năm, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 vợ anh bỏ nhà ra đi nguyên nhân làm chủ hụi bị vỡ. Từ khi ra đi đến nay vợ anh không liên lạc về gia đình, anh biết vợ anh đang sống với một người khác.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với chị T. Con chung có 02 người là Nguyễn Lê Chí H, sinh ngày 07/02/1997 và Nguyễn Lê Nhật L, sinh ngày 03/5/2011. Chí H đang học đại học, sống tự lập, còn Nhật L anh đang nuôi. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi Nhật L, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai (không đề ngày) của bị đơn chị Lê Thị T trình bày: Khi lập gia đình thì chị về sống chung với gia đình bên chồng rất khổ, chị vẫn lo cho gia đình, còn anh L thì xài tiền rất phung phí, anh L đối xử với chị rất thậm tệ, hành hạ đánh đập sồn (cắt) tóc chị, chị chịu không nổi nên về nhà mẹ ruột sống, không quá 03 ngày thì anh L dẫn bạn gái về sống, còn đẩy trách nhiệm về hụi cho chị. Chị phải nuôi Nguyễn Lê Chí H học đại học và gửi cho mẹ ruột nuôi cháu Nhật L, sau đó anh L bắt cháu L về. Hiện tại tài sản không còn gì đã bán trả nợ hết. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L. Về con chung hiện tại chị đang nuôi Chí H học đại học, còn Nhật L chị yêu cầu anh L giao lại cho chị nuôi. Chị có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Nhật L, sinh ngày 03/5/2011 cho anh Nguyễn Văn L nuôi dưỡng, chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung không ai được quyền cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị T, địa chỉ ấp M, xã P, huyện N, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Do đó, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn L trình bày cho rằng anh và chị Lê Thị T kết hôn ngày 12/4/1996 tại Ủy ban nhân dân xã P và hiện tại anh không còn giữ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tuy nhiên qua sổ lưu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban xã K (do anh L có thời gian đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã L), sổ lưu đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã X (nơi cư trú trước đây của chị T), trích lục sổ lưu đăng ký kết hôn tại Phòng Tư pháp huyện N thì anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị T không có đăng ký kết hôn. Do đó không có căn cứ xác định anh L và chị T có đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là Nguyễn Lê Chí H, sinh ngày 07/02/1997 và Nguyễn Lê Nhật L, sinh ngày 03/5/2011. Hiện tại cháu H đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với Nhật L, anh L và chị T đều yêu cầu được nuôi, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện tại cháu Nhật L anh L đang nuôi cuộc sống cũng đảm bảo, và tại biên bản lấy ý kiến của cháu Nhật L ngày 24/8/2018 cháu Nhật L có nguyện vọng sống với cha nên tiếp tục giao cháu L cho anh L nuôi, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L.

1. Về hôn nhân:

Không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Lê Nhật L, sinh ngày 03/5/2011 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) anh Nguyễn Văn L đã nộp theo biên lai thu số 0014790 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong